CHƯƠNG 1

ĐẶC TRƯNG THẨM MĨ CỦA THƠ VIỆT NAM SAU 1986

VÀ HIỆN TƯỢNG NGUYỄN BÌNH PHƯƠNG

* 1. . Thơ Việt Nam sau 1986 – những tìm tòi từ tư duy nghệ thuật đến kĩ thuật viết

***1.1. Đào sâu vào bản thể của cái tôi***

“Thơ ca là cuộc đối thoại của con người với thời đại mình”. Trong suốt 30 năm chiến tranh liên miên giặc giã, thơ ca Việt Nam đã thăng trầm cùng số phận dân tộc ngân nga hát “bè cao” giữa những âm vang sống động, bi hùng của lịch sử. Đó là cảm hứng sử thi với thiên “đại tự sự” hùng hồn, là số phận cá nhân trong số phận chung của cộng đồng khi vận mệnh của đất nước được đặt lên hàng đầu chi phối tất cả những bi kịch riêng.

Từ sau chiến tranh, cuộc sống trở về với nhịp sống đời thường, dưới bầu sinh quyển của không khí hòa bình là những đợt sóng dậy trào từ bên trong với đan xen, chồng chất những bộn bề của cuộc sống mưu sinh. Chưa bao giờ như bây giờ - sau năm 1986, để hòa cùng dòng chảy thơ ca thế giới cũng như đối diện với đời sống hiện thực thậm phồn, thơ ca Việt Nam cần đổi mới như một sự cần thiết để tồn tại. Đã thế, giữa những ngổn ngang của đời sống thế sự, được cấp “tấm căn cước” dân chủ trong thời đại mới, con người trong tư cách xác tín quyền tồn tại, khẳng định nhân vị đã nêu cao nhu cầu được nói tiếng nói tự thân của thế phận, được bứt phá để kêu lên tiếng kêu khản đặc, quyết liệt của bản thể. Cùng với đó, phát hiện mang tính nhân loại của Freud về phân tâm học để sau đó là sự phát triển của C.G. Jung về vô thức, tiềm thức trong cơ cấu tinh thần của con người đã mở ra cho văn học lối “thăm dò tiềm thức” vào “vùng tối”, khoảng mờ của đời sống tâm linh. Thay vì hướng ngòi bút vào việc phán ánh hiện thực với cái tôi hướng ngoại để tri nhận những mặt nổi của đời sống, thơ ca đương đại hướng đến việc đào sâu vào cái tôi như cuộc thăm dò vào “miền đất lạ” ẩn chìm để khám phá đến tận cùng vẻ đủ đầy của hiện thực sống. Do đó, nỗ lực khám phá sự phong phú của “cái tôi ẩn giấu”, dám phơi bày những bi kịch nhân sinh là biểu hiện rõ nét cho sự đổi mới tư duy của nền thơ Việt Nam hiện đại.

Giữa những cuộc tranh luận đổi mới thơ và dư luận đang đặt ra sự nghi vấn cho vấn đề này: đổi mới hay sự xiếc ngôn từ, đó là tiếng kêu nhân văn của bản thể hay là những nhu cầu nhục cảm rất đời mà thiếu chất thơ…Trong khi dư luận còn đang từng bước tri nhận, làm quen, một số khác thì phản ứng ngược lại thậm chí là gay gắt thì các nhà thơ đương đại vẫn không ngừng tìm kiếm một nguồn sống mới, khai thác sâu hơn vào những tầng vỉa của đời sống tâm linh, vô thức, những ẩn ức khuất chìm trong vùng tối của bản năng sống, bản năng người. Mặc cảm bị “thiến hoạn” đã được giải toả, con người hướng đến những giá trị có tính phổ quát của giống loài nhằm bù đắp phần thiếu hụt vẫn luôn âm ỉ trong vũng tối của tiềm thức, vô thức. Sự trổi dậy mạnh mẽ của ý thức phản tư, tâm linh, tính dục, nữ quyền, ngoại vi, …như là sự bổ khuyết làm nên hiện thực toàn nguyên của thế sự. Đời sống thi ca trở nên dày dặn khi chứng kiến đủ đầy sự hiện diện của muôn mặt đời sống cũng như phần bí ẩn khuất lấp tận sâu đời sống bên trong của con người. Thơ ca đương đại vì thế ngày càng gần với cuộc đời hơn, gần với tâm sự buồn vui của con người, thơ nghiêng về phía những cá thể và là tiếng nói của thân phận.

Với sự vận động không ngừng cho hành trình cách tân, thơ Việt Nam sau 1975, bên cạnh những nhà thơ có mặt từ trước đó trong hai cuộc kháng chiến là sự nở rộ của hàng loạt các tác giả xuất hiện thuộc thế hệ đầu tiên của thời bình. Mỗi người một giọng điệu, một tiếng nói riêng đã hợp tấu nên bản giao hưởng cho dàn nhạc thơ đương đại những sắc diện mới lạ, độc đáo. Điểm gặp gỡ của các nhà thơ hiện đại đó chính là“bằng sự dồn nén, bức xúc của tâm trạng bật dậy trong họ những câu thơ không chịu bằng phẳng và sự chuyển tải của những nỗi niềm, những ẩn ức đang còn khuất lấp trong tâm hồn”. Các nhà thơ viết bằng chính vốn sống, trải nghiệm của chính mình, cất tiếng nói khát đòi chân thành của bản thể, viết như một sự thực hành sống một cách đủ đầy, vẹn toàn, thê thiết: *“Mười ngón tay xòe ra/ bưng lấy khuôn mặt bé xíu/ ửng lên vì niềm vui lần đầu tiên/ em…khóc nưng nức/ nước mắt tràn ngập khắp thân thể/ trong giây phút tận hiến/ Đau chiếc khăn thắm màu trinh tiết Mẹ Nữ Oa”* (**Hợp nhất** – ***Nguyệt Phạm***). Cùng với đó, sự cựa quậy bản nguyên nữ trong thơ Phạm Thị Ngọc Liên, Dư Thị Hoàn, Vi Thùy Linh... đã thể hiện ý thức cá nhân tự do tuyệt đối dám khẳng định quyền bản thể mà văn học một thời còn dè dặt, né tránh. Những bản năng khát thèm được bộc bạch đến tận cùng như sóng trào bão dữ. Như một người “dệt tầm gai” nhẫn nại đan dệt những cảm xúc, Vi Thùy Linh dâng nỗi “Khát” cháy đâm thẳng vào rừng rậm thi ca chấp nhận trầy xước, rớm máu bởi những nỗi đau vô hình trong thế giới nghệ thuật và hữu hình trong tình yêu trần thế: *“Không kỳ vọng những điều lớn lao/ Em lặng lẽ dệt hạnh phúc từ những nỗi buồn - những sợi tầm gai - không ai nhìn thấy/ Gai tầm gai đâm em đau đớn/Em chờ Anh mãi.../Tưởng chừng không thể vượt qua nổi cái lạnh, em đã khóc trên hai bàn tay trầy xước”* **(Dệt tầm gai).** Đặc biệt, nhiều trường phái triết học phương Tây du nhập vào Việt Nam trong đó có chủ nghĩa hiện sinh đã có ảnh hưởng sâu sắc đến sáng tác văn học mà đặc biệt là thơ của các nhà thơ nữ, khiến cho không ít nhà thơ phải tự nhìn lại mình. Lâm Thị Mỹ Dạ với khát vọng đi tìm cái tôi bản thể đã biến thành mộng mị: “Đêm qua/ Tôi mơ thành tôi/ Tôi mơ thành chim/ Tôi mơ thành giấc mơ” (***Đề tặng một giấc mơ***); Phan Huyền Thư trong Sẹo độc lập luôn đi “tìm tên tôi”, đi “nhặt lại tên mình” ở mọi ngóc ngách của cuộc đời để khẳng định sự hiện hữu của mình như một nhân vị: “Tôi tìm tên tôi./ Trong đám giấy lộn./ Trên bàn nhậu và góc vỉa hè.../ Tôi thẫn thờ đi nhặt lại tên mình/ Lay lắt trên những con đường hoàng lan, phố vắng” (***Hoang mang***). Ly Hoàng Ly tìm đến đêm như một nơi trú ngụ của tâm hồn để trải mình mà nhận thấy nỗi đau trần thế: “Những hỗn loạn của ban ngày/ Đêm không bắt được/ Những nỗi lòng như sông uẩn khúc/ Chỉ chảy được về đêm” (***Sóng đêm***).

Trong đời sống hiện đại, giữa những hỗn mang của cuộc sống bất toàn, nhà thơ “lộn trái” mình để phơi diễn tận cùng nỗi đau của bản thể. Hiện thực được nói tới trong thơ vì thế không còn là hiện thực được nhìn thấy mà là hiện thực của việc tự thấy – cảm thấy thậm chí là “nhập – thấy” (Đặng Đình Hưng). Sự phát triển của chủ nghĩa siêu thực, chủ nghĩa tượng trưng trong nền văn học thế giới đã dẫn lối cho các nhà thơ phương thức “trôi dạt”, “dò tìm” vào tận cùng đời sống của bản thể với vùng mờ tâm linh bí ẩn. Thơ Nguyễn Lương Ngọc càng ở những tập thơ sau, tính siêu thực, mơ hồ trong thi giới càng trở nên dày đặc, đấy là bởi nhà thơ nhận thấy trong thế giới của cái tôi tự tri nhận về nó là cả một chiều sâu tăm tối, mù mờ, khó nắm bắt: *“Mơ, mơ/ Chân đâu/ Mình đâu/ Buồn tiên cảm hát chân cầu lưu thủy* **(Tiên cảm).**DươngKiều Minh phục sinh một vườn cổ tích của tuổi thơ, mẹ, quê hương với một điệu buồn mang màu hoài niệm, nỗi buồn tự cảm: *“Màu xanh rưng rức dậy buồn* (**Bộc bạch IV**), *Khát vọng/ mang vạm vỡ nỗi buồn*” **(*trômpet*)** đồng thời còn bộc lộ nỗi khát vọng tự do đến cháy bỏng: “*Cơn khát tự do/ Tự do như nắng/ Tự do cơn mưa cuốn chạy trên đồng”* **(Cổ tích). Nguyễn Quang Thiều** trong nỗ lực phục dựng văn hóa chùa làng, sông Đáy đã nương dựa vào đấy như miền hiện thực giữa cõi tạm để suy tưởng về thế giới ẩn huyền, đậm chất tâm linh. Đó là cái tôi bị lay thức bởi tâm thức cộng đồng: “*Tôi đứng trên con đường cuối làng khóc run lên như đứa trẻ mất mẹ. Tôi làm sao lật hết từng lá cỏ trên đất đai rộng lớn nhường kia, để tìm lại những người đàn bà góa bụa…” (….);* với một nỗi dự cảm ám ảnh về nơi đến của linh hồn trong niềm hân hoan đủ đầy hình ảnh, thanh âm của cõi mê:*“Cỗ xe tang trôi mãi vào cơn mê/ Những con rồng gỗ vảy vàng bay lên trong tiếng kèn, tiếng trống* ***(Âm nhạc)***

Cuộc sống càng hiện đại, càng toàn cầu hóa mạnh mẽ, con người càng có nguy cơ đánh mất mình. Vì vậy vấn đề bản ngã cá nhân - cái tôi bản thể hơn bao giờ hết được coi trọng trong thơ mang cảm quan của con người hiện đại với nỗ lực tìm kiếm, gìn giữ bản ngã trong một thế giới đầy bất toàn, phi lí. Nguyễn Bình Phương chủ trương lối thơ phiêu vào cõi khác của miền tâm thức, cõi vô thức siêu hình mà tri nhận tận cùng bản thể của cái tôi. Thế giới thơ của Nguyễn Bình Phương vì thế luôn chứa sự ám gợi bởi màu sắc rờn rợn của cái mơ hồ, huyễn ảo, của một tâm trạng gì đó không nắm bắt được. Bởi nhà thơ quan niệm tâm hồn của con người có thể nào dễ hiểu, nó luôn chứa một “vùng tối”, một cái gì đó thoắt qua trơn tuột như vệt lân tinh, khi êm nhẹ như bước chuyển di của con mèo trong đêm tối, cả cái vụt sáng giữa khoảng u minh “sáng nào với tới được”. Thơ Nguyễn Bình Phương dù có bày ra hiện thực sống của Linh Sơn u huyền hay của đời sống đô thị chật chội, giữa những bóng ma đi về hay những gương mặt người “lơ vơ” giữa cõi sống vẫn khao khát tìm mình giữa muôn nghìn khuôn mặt khác, ở cả thế giới khác. Cuộc truy tìm, lật trở đến riết róng tự cấu mặt mình làm trăm mảnh vẫn không thấy trọn vẹn cho nên thơ ông là dòng máu nóng thê thiết của sự tìm mặt, của cái tôi bản thể được đào xới đến tận cùng vẫn mang nỗi hoang mang không thể định nghĩa: “*Ta là gì trong ý nghĩ của ta/ Là gì nhỉ cái dãy phố con con treo đầy biển hiệu”* **(*Hóa hình***). Có thể nói, cái tôi trong thơ Nguyễn Bình Phương thiên về cái tôi chìm đắm trong trực giác, tiềm thức, tâm linh. Đó chính là mật đạo dẫn dắt nhà thơ mò mẫm dò đường đi sâu vào nhiều góc khuất của tâm hồn với những phức cảm đa chiều, tinh tế nhưng đầy phức tạp. Bởi nếu thiếu đi những điều ấy thơ sẽ mất đi chiều sâu nhân bản và công cuộc hiện sinh khẳng định nhân vị sẽ không có được tính toàn nguyên của cái tôi tri nhận còn hạn chế.

Nỗ lực đào sâu vào cái tôi ẩn giấu, cố gắng phát hiện chiều sâu tâm linh của con người là nét nổi bật của nền thơ Việt sau năm 1986. Trên hành trình đó, Nguyễn Bình Phương đã góp một tiếng thơ mang màu sắc mới lạ, đã dự phần không nhỏ vào việc đưa thơ gần hơn với cuộc đời. Trên tinh thần liên văn bản, sự vực dậy của văn hóa – tín ngưỡng dân gian, tâm thức cộng đồng và sự nương nhờ chủ nghĩa siêu thực, tượng trưng kết hợp với cảm hứng thiền…thơ Nguyễn Bình Phương đã phát lộ bản thể người trong những biểu hiện sâu kín, phức tạp nhất của nó. Và việc khám phá thơ ở nhiều góc nhìn sẽ mang lại cái nhìn trọn vẹn, toàn nguyên của cái tôi bản thể.

*1.1.2. Cách tân hình thức trữ tình – trò chơi “lạ hoá”*

Cùng với sự đổi mới tư duy nghệ thuật ở mặt nội dung, thể tài, nền thơ Việt Nam sau 1986 còn chứng kiến sự bùng nổ của những lối viết lạ gây tranh cãi. Thơ ca giờ đây bứt ra khỏi những trận mưa trữ tình ngọt ngào để phản ảnh một hiện thực “mới lạ” khiến người đọc không chỉ sáng phần lí trí mà còn phải thức cả phần trực giác, tâm linh; từ đó dẫn đến việc không thể đọc thơ bằng cách nhìn mà còn phải biết cảm từ cảm giác, cảm xúc với những cái nghiêng tai, lắng mình thật nhẹ. Ngôn ngữ thơ không đóng khung trong một quy chuẩn về nghĩa nữa mà mở rộng đến vô cùng chiều năng biểu của nghĩa. Đón nhận đề xuất tích cực của Derrida khi đả phá quan niệm về cái biểu đạt của Ferdinand de Sausure mà bản chất của nó là thuyết ngôn từ trung tâm luận “*những cái biểu đạt vĩ đại hơn rất nhiều so với những cái được biểu đạt, bởi vì hệ thống những cái biểu đạt phân chia cái thế giới đang có quanh ta, và rất nhiều cái sở dĩ không có đối với ta là vì chúng ta không có từ ngữ nói với nó”,*[**Phê bình văn học HHĐ, tr. 88**]*,* các nhà thơ Việt sử dụng ngôn ngữ như một thứ trò chơi quyền lực với vô vàn những luật chơi mà ở đó tác giả sẽ chơi cùng người đọc. Trên tinh thần đó, ngôn ngữ không còn là phương tiện để thể hiện tư duy của con người mà chính ngôn ngữ kiến tạo nên tư tưởng. Điều đó đã phả vào nền thơ Việt một tinh thần hiện đại làm phản tỉnh ý thức cũ kĩ, sáo mòn đã từng in hằn trong tâm thức người đọc về quan niệm thơ trước đó. Trong hành trình cách tân hình thức ngôn ngữ thơ, đáng kể nhất là các nhà thơ dòng chữ: Trần Dần, Lê Đạt, Dương Tường, Đặng Đình Hưng, Hoàng Hưng, Đoàn Văn Chúc…Bằng cách trút bỏ khả năng biểu vật, biểu thái, biểu niệm của thực từ, hư hóa thực từ, đẩy chúng vào các cấu trúc mới, các nhà thơ đã làm đến tận cùng chiều năng nghĩa của chữ, hay nói như Dương Tường là phát huy tối đa cái “năng biểu” của chữ: *Em về phố lặng/ lòng đổ chuông/ llềnh llềnh nước*/ *lli*/ *lluâng*/*lloang llưng*/ *lliêng llinh lluông buông boong*/ *ad lllibitum* **(*noel 1* - *Dương Tường*)**. Ngôn ngữ chính là sự kí âm, kí họa các phương diện của chữ. Âm đi trước nghĩa, chính xác hơn, sự giao thoa, cộng hưởng giữa các con âm sẽ tạo sinh ý nghĩa. Xuất phát từ nhận thức đó, các nhà thơ đã thể nghiệm nhiều phương thức để phát huy những tiềm năng biểu cảm của con âm. Trong đó, thủ pháp đáng chú ý nhất và cũng gây ra nhiều bàn cãi là cách sử dụng những*“chữ rỗng”*, tức những âm tiết còn chưa thụ nghĩa, các tổ hợp âm tiết nằm ngoài kho từ điển để tạo ra một từ trường cảm giác nhất định: “*Mây xuân lốp xốp xuân*/ *Ếch xuân ì oạp xuân*/ *Gàu xuân xì xoạp xuân*/ *Ngó xuân mùm mụp xuân* / *Thai xuân đạp xuân* / *Tằm xuân doàm doạp dâu xuân”* **(*Trần Dần*).** Để biểu đạt miền tâm giới mơ hồ bất định, Nguyễn Lương Ngọc cũng chọn kiểu thơ con âm nhằm tạo ra lối chơi thơ rất lạ gây ám ảnh như một ma thuật. *Lời hát* hay tiếng kêu tuyệt vọng của con người trước cõi bí ẩn thâm sâu nơi giao thoa giữa sự sống – cái chết?: *“Cuộc sống lạnh lẽo sao/ Cuộc chết ấm áp sao (…) Yêu không thể giải thích/ Chen chúc hoa lên tịch mịch/ Yêu không thể giải thoát/ A…a…a…A…a…a/ Người là người, ta là ta/ Ta là người/ người là ta/ A…a…a…A…a…a*  **(*Lời hát*).**

Với chủ trương “làm thơ là làm chữ”, các nhà thơ luôn có ý thức tìm kiếm và thể nghiệm một kiểu cấu tạo thơ mới với kiểu câu thơ được hình thành trên cơ sở của những kết hợp mới, lạ về ngữ nghĩa và ngữ pháp của từ. Nhà thơ “phu chữ” Lê Đạt đã tạo ra vô số kiểu câu thơ “vân chữ”, “bóng chữ” ấn tượng, gợi nhiều liên tưởng trong người đọc: *“Em về trắng đầy cong khung nhớ”* **(*Bóng chữ* - Lê Đạt);** *Nắng tạnh heo mày hoa lạnh*/ *Mimôza chiều khép cánh mi môi xa* **(*Mimôza* - Lê Đạt).** Không những thế, trong thơ giờ đây còn chấp nhận cả kiểu đọc nhịu, vấp, sai chính tả…nhằm giải phóng cái năng biểu về âm, nghĩa, hình vị gây ấn tượng mạnh, tạo cơ hội “vẫy gọi” liên tưởng với việc mở ra một thế giới mới mẻ, một hiện thực chưa bị “đóng đinh” mà ngôn từ mang lại: “*khoảnh khăk/ hàng cây tok rũ con jó tôk anatomi hè hè lub lub nũm cau/ lạch ngần xuội luội tr`/ sao em không/ ờ khoảnh khăk/ sao em kh^ sao em kh^ sao em kh^” (****Khoảnh Khăk*** - **Dương Tường).**

Thiết lập những liên tưởng xa bất ngờ, coi trọng khoảng trống với tính mơ hồ về nghĩa là điểm dễ nhận thấy trong thơ đương đại. Các câu thơ đặt trong sự liên kết tưởng như rời rạc, không gợi một ý nghĩa xác định nào gây cảm giác khó hiểu, tuy nhiên đằng sau những lớp bề mặt với sự hiện diện của ngôn từ là sự đa tầng nghĩa trong cấu trúc mở đến vô tận: *“Sông Đáy chảy vào đời tôi/ Như mẹ tôi gánh nặng rẽ/ vào ngõ sau mỗi buổi chiều đi làm về vất vả/ Tôi dụi mặt vào lưng người đẫm mồ hôi mát một mảnh sông đêm/ Năm tháng sống xa quê tôi như người bước hụt/ Cơn mơ vang lên tiếng cá quẫy tuột câu như một tiếng nấc/ Âm thầm vỡ trong tôi, âm thầm vỡ cuối nguồn/ Tỏa mát xuống cơn đau tôi là tóc mẹ bến mòn đứng đợi”* **(*Sông Đáy – Nguyễn Quang Thiều*).** Những thi ảnh trập trùng nối tiếp nhau từ những tương quan so sánh giữa cái được so sánh và cái so sánh khá “vênh lệch” về nghĩa từ đó bật lên những ám gợi mới mẻ, biểu đạt những ý nghĩa bất ngờ, riêng khác.

Cùng với ngôn ngữ, cấu trúc thơ cũng được các nhà thơ đặc biệt quan tâm khi thiết lập khá nhiều kiểu chơi cấu trúc độc đáo nhằm dung chứa hiện thực như nó “vốn là” ngoài đời sống. Bên cạnh sự xuất hiện của kiểu thơ bậc thang, sơ đồ hóa, thơ văn xuôi … là sự trở lại của thể thơ truyền thống với những cách tân mới lạ. Tiêu biểu cho xu hướng này có lục bát “thảo dân” của Nguyễn Duy, lối lục bát thị dân của Nguyễn Thế Hoàng Linh, Miên Di, lục bát đọc chậm của Nguyễn Việt Chiến…

*“đá thôi*

*lúc lắc nỗi buồn*

*để cho đông lạnh cuộn cuồn tan ra”*

(**Đá thôi** – Nguyễn Thế Hoàng Linh)

Cái độc đáo trong sáng tác của nhà thơ trẻ này chính là gợi được âm hưởng của thể truyền thống với một tư duy thơ hiện đại; lục bát truyền thống đã đánh rơi sự nhịp nhàng, êm mượt nhờ cách ngắt nhịp chẵn như nó vốn có. Với lối cách tân đó, các nhà thơ đã góp phần cởi thoát cho một thể thơ vốn định hình trong tư duy người đọc và đưa thơ đến gần hơn với cuộc sống.

Là một trong những nhà thơ sớm nhất đã âm thầm “khởi cuộc” khai phá những “miền đất mới” trong thơ đương đại Việt Nam cuối thế kỉ XX, Nguyễn Bình Phương trong hành trình sáng tạo luôn ý thức đổi mới hình thức thơ như một cách thế để tồn tại. Đã thế với cái tạng thơ ưa “trôi dạt” vào miền lạ của nội tâm, sự thiết lập tứ thơ đòi hỏi phải được biểu hiện bởi hình thức sao cho phù hợp. Trong dòng ý thức bất định của cái tôi nội cảm, trong cái trôi tuột miên man của cảm xúc vào miền tâm giới, hẳn nhiên sự sắp xếp ngôn từ của Nguyễn Bình Phương cũng thuộc loại khó hiểu khi có quá nhiều khoảng trống để suy tưởng. Không chủ trương tạo sinh thơ dòng chữ, thơ con âm nhưng không phải vì thế mà thơ Nguyễn Bình Phương lại thiếu đi sự đa nghĩa. Cái đa nghĩa, mơ hồ khó xác định trong thơ ông phần lớn được tạo ra bằng phương thức tỉnh lược những dấu hiệu liên kết logic hình thức giữa các đơn vị từ trong câu thơ, tổ chức, sắp đặt kề cận những yếu tố từ ngữ vốn ít, thậm chí không có liên hệ gì với nhau: “*Giữa vòm cây mận trắng/ Cơn sốt dậy sắc hồng run rẩy”* (**Tiếng lạ),** “*Ô tô bỏ chạy sau lưng ngựa/ Già lão ngồi chờ mẹ trong vườn*” **(Khảo dị)**; đó còn là sự kết hợp ngẫu hứng các từ khác trường nghĩa cạnh nhau: *“xanh chói lọi”, “lơ mơ tối”, “ảnh sáng ủ rũ”, “thiếu phụ quay đi xanh mơ màng”, “luồng gió lao rừng rực”.* Đặc biệt, nhà thơ còn sử dụng thao tác làm phân rã, mài mòn các từ, đa bội hóa một âm tiết với những biến thái âm điệu để tạo từ nhằm tạo ra độ mơ hồ về nghĩa, từ đó tăng khả năng diễn tả những chuyển hóa trong cảm giác của hình ảnh thơ: “*giọng nói mềm mại như bóng râm”, “những ngọn đồi lơ mơ tối”, “lũ trẻ gọi nhau ời ợi góc làng”, “bầy ngưạ phi tím tái lưng trăng”, “Ta nhìn ta mai mái một làn sương”…*Bằng ngôn ngữ tượng trưng, siêu thực cùng với việc thiết lập cấu trúc thơ mới lạ với những mảnh không gian đan xen, tiếp nối, chồng lấn, mờ nhòa, …hình ảnh thơ được hiển lộ trong thi giới Nguyễn Bình Phương có sự chuyển hóa liên tục, nhiều biến ảo: “*Vít tay ga phóng vượt qua nước mắt/ Sang bên kia bầu trời/ Chạm vào thời tiết và tan biến/ Các chấm đỏ lại nôn nao ẩn hiện/ Trong đường cua quái đản/ Lấp lánh theo dọc dải Ngân hà/ Em lộng lẫy sau xe như tích tắc cuối cùng của mùa hạ”* **(*Xe máy*);** *“Mây đêm mây đêm mặc áo dài/ Nhạc ngựa thoang thoảng/ Hương thơm từ trời/ Gã đàn ông ba mươi tuổi là ta xa người yêu khó ngủ/ Ngoài cửa có chiếc quạt nan cũ/ Quạt mãi về ngọn gió xanh mơ”* ***(Thật xa xôi).***

Cùng với các tác giả Trần Dần, Lê Đạt, Đặng Đình Hưng, Dương Tường, Nguyễn Lương Ngọc, Nguyễn Quang Thiều, Dương Kiều Minh, Mai Văn Phấn, …Nguyễn Bình Phương đã dự vào dòng chảy của văn học đương đại với khát vọng cách tân mãnh liệt để đưa thơ Việt gần hơn với thơ ca thế giới cũng như biểu lộ một cách chân thật nhất đời sống tâm tư bí ẩn của con người trong đời sống hiện đại. Khước từ lối thơ duy lí, các tác giả đương đại hướng ngòi bút đến lối viết tự động. Đó là sự tự động vượt qua sự kiểm soát của lí trí, viết như hành động bản năng để được giữ “lớp tuyết đầu tiên” của suy nghĩ, để trôi miên man vào dòng cảm xúc, trực diện đón nhận cảm giác khi vục tay chạm lấy cái bản ngã của mình. Bằng những sáng tạo về ngôn từ, hình ảnh, kết cấu,… thơ Nguyễn Bình Phương đã dựng lại cả một thế giới đầy ám ảnh, ma mị với những biểu tượng đa tuyến, phức điệu của vô thức, tiềm thức, tâm linh. Từ đó, cho thấy một tư duy liên văn bản được biểu đạt hiệu quả bằng phương thức thể hiện hay với kĩ thuật viết ấy, Nguyễn Bình Phương đã thực hiện sự tương tác, đối thoại, kết nối, đan xen của nhiều yếu tố, nhiều phương diện của đời sống trong thơ. Sự mở rộng đến vô cùng của văn bản thơ đã mang đến những ám gợi thật ấn tượng, mới mẻ. Với những cách tân về hình thức trữ tình, Nguyễn Bình Phương được xem là một trong những gương mặt tiêu biểu của thế hệ nhà thơ Đổi mới: *“Đối với cuộc kiếm tìm thì không bao giờ cũ, kể cả sự kiếm tìm cái cũ, thì cuộc kiếm tìm vẫn mới. Cuộc cách tân tìm tòi thơ ca luôn tựa “luồng gió lao rừng rực” tới những miền bí ẩn của đời sống, của cuộc đời và của thiên nhiên trải ra vô tận trước sự chiêm ngưỡng, chiêm nghiệm của con người”* [**Dương kiều minh, cuộc tìm kiếm có tên NBP**].